

NGHỊ QUYẾT

**Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục
Trường Đại học Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội**

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Quyết định số 5570/QĐ-BGDĐT ngày 22/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 14/QĐ-TTKĐ ngày 01/3/2024 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy định hoạt động của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (Hội đồng);

Căn cứ Quyết định số 16/QĐ-TTKĐ ngày 05/3/2024 của Giám đốc Trung tâm về việc thành lập Hội đồng;

Căn cứ báo cáo kết quả tự đánh giá Trường Đại học Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội; báo cáo kết quả đánh giá ngoài của Đoàn đánh giá ngoài tại kỳ họp thứ 56 của Hội đồng ngày 07/9/2025;

Căn cứ kết quả thảo luận và bỏ phiếu kín tại kỳ họp thứ 56 của Hội đồng ngày 07/9/2025 về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục cơ sở giáo dục của Đoàn đánh giá ngoài Trường Đại học Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội. Đoàn đánh giá ngoài đã thực hiện công tác đánh giá chất lượng đúng quy định, quy trình, bảo đảm tính độc lập, khách quan, công khai, minh bạch. Điểm trung bình của các tiêu chuẩn trong từng lĩnh vực như sau:

Đảm bảo chất lượng về chiến lược: 3,99

Đảm bảo chất lượng về hệ thống: 4,06

Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng: 4,19

Kết quả hoạt động: 3,96

Điều 2. Khuyến nghị Trường Đại học Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội thực hiện các giải pháp bảo đảm và cải tiến chất lượng giáo dục cho giai đoạn 5 năm tiếp theo dựa trên các khuyến nghị của Đoàn đánh giá ngoài và các khuyến nghị ở Phụ lục II.

Điều 3. Đối chiếu với Điều 46 của Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về điều kiện công nhận đạt chuẩn chất lượng giáo dục, cơ sở giáo dục có điểm trung bình của các tiêu chuẩn trong từng lĩnh vực đều đạt từ mức 3,5 điểm trở lên và không tiêu chuẩn nào có điểm trung bình dưới 2,0 điểm, Hội đồng thống nhất công nhận Trường Đại học Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục cơ sở giáo dục (*Phụ lục I*) và đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục đối với Trường Đại học Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội. *Nh*

Nơi nhận:

- Trường ĐH Luật - ĐHQGHN;
- Giám đốc TTKĐCLGD;
- HĐKĐCLGD (09);
- Văn phòng (công khai công thông tin);
- Phòng ĐGCLGD;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG KĐCLGD
CHỦ TỊCH**



Lê Ngọc Quỳnh Lam
Lê Ngọc Quỳnh Lam



Phụ lục I
KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT – ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

(Kèm theo Nghị quyết số 57/NQ-HĐKĐCLGD ngày 09 tháng 9 năm 2025
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục)

Lĩnh vực/ Tiêu chuẩn	Điểm trung bình	Lĩnh vực/ Tiêu chuẩn	Điểm trung bình
Mục 1: Đảm bảo chất lượng về chiến lược	3,99	Mục 3: Đảm bảo chất lượng về chức năng	4,19
Tiêu chuẩn 1	4,00	Tiêu chuẩn 13	4,20
Tiêu chuẩn 2	4,00	Tiêu chuẩn 14	4,00
Tiêu chuẩn 3	4,00	Tiêu chuẩn 15	4,00
Tiêu chuẩn 4	4,00	Tiêu chuẩn 16	3,75
Tiêu chuẩn 5	3,75	Tiêu chuẩn 17	4,25
Tiêu chuẩn 6	4,14	Tiêu chuẩn 18	4,25
Tiêu chuẩn 7	3,80	Tiêu chuẩn 19	4,25
Tiêu chuẩn 8	4,25	Tiêu chuẩn 20	4,50
Mục 2: Đảm bảo chất lượng về hệ thống	4,06	Tiêu chuẩn 21	4,50
Tiêu chuẩn 9	4,00	Mục 4: Kết quả hoạt động	3,96
Tiêu chuẩn 10	4,50	Tiêu chuẩn 22	4,25
Tiêu chuẩn 11	3,75	Tiêu chuẩn 23	4,33
Tiêu chuẩn 12	4,00	Tiêu chuẩn 24	3,75
		Tiêu chuẩn 25	3,50

Handwritten signature

Phụ lục II

**KHUYẾN NGHỊ CẢI THIỆN CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI**

(Kèm theo Nghị quyết số 57/NQ-HĐKĐCLGD ngày 09 tháng 9 năm 2025
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục)

Hoạt động tự đánh giá chất lượng Trường Đại học Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội được thực hiện bởi Hội đồng tự đánh giá cơ sở giáo dục theo Quyết định số 906/QĐ-ĐHL ngày 02/7/2024, dựa trên phân công số 1209/ĐHL-KT&ĐBCL ngày 20/8/2024.

Đoàn đánh giá ngoài đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục tại Trường Đại học Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội được thành lập theo Quyết định số 109/QĐ-TTKĐ ngày 03/7/2025 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

Đoàn đánh giá ngoài tại Trường Đại học Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội thực hiện khảo sát sơ bộ vào ngày 16/7/2025 và khảo sát chính thức từ ngày 28/7 - 01/8/2025.

Trong giai đoạn đánh giá, Trường Đại học Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội có những điểm mạnh nổi bật như sau:

- **Đảm bảo chất lượng về chiến lược:** Tầm nhìn, sứ mạng và giá trị văn hóa được xác định từ khi còn là Khoa Luật; được rà soát, cập nhật vào các năm 2019 và 2023, phù hợp với vị thế của một Trường đại học thành viên Đại học Quốc gia; được thể hiện đầy đủ trong các văn bản chiến lược, nghị quyết cũng như trong quy chế tổ chức và hoạt động của Trường. Việc xây dựng, điều chỉnh nội dung tầm nhìn và sứ mạng được thực hiện thông qua việc lấy ý kiến từ các bên liên quan trong Trường. Trường có bộ máy quản trị đầy đủ theo quy định của pháp luật, của Đại học Quốc gia Hà Nội và Bộ Giáo dục và Đào tạo. Các quyết định của Đảng ủy, Hội đồng trường, Ban giám hiệu được cụ thể hóa thành kế hoạch năm học trong các lĩnh vực như đào tạo, nhân sự, tài chính, tuyển sinh, nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế. Trường đã rà soát, ban hành kịp thời các văn bản quản trị như Quy chế tổ chức và hoạt động, Quy chế tài chính, Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của Trường. Các văn bản quản lý nội bộ được ban hành, sửa đổi, cập nhật kịp thời phù hợp với thay đổi cơ cấu tổ chức và quy định pháp luật. Trường có cơ cấu tổ chức rõ ràng; các đơn vị chuyên môn và chức năng được phân định nhiệm vụ cụ thể, đảm bảo thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Trường đã kết nối và tham vấn các bên liên quan trong việc xây dựng và lan tỏa tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và các mục tiêu chiến lược; tổ chức lấy ý kiến rộng rãi trong quá trình xây dựng Chiến lược phát triển Trường. Cơ cấu quản lý được rà soát ở cả cấp Trường và cấp đơn vị; các bước rà soát, bổ nhiệm,

8/10/7

miễn nhiệm, luân chuyển đều tuân thủ đúng quy định. Trường đã thực hiện cải tiến cơ cấu lãnh đạo, quản lý liên tục trong giai đoạn 2019 - 2025, phù hợp với quá trình nâng cấp từ Khoa lên Trường và thực hiện đúng tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW. Trường đã xây dựng Chiến lược phát triển tổng thể, có chỉ số gắn với từng lĩnh vực hoạt động của Trường; có Chiến lược phát triển về khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo. Chiến lược phát triển được thực hiện thông qua KPIs do Đại học Quốc gia Hà Nội giao, Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học của Trường và đơn vị. Trường đã xây dựng kế hoạch năm học triển khai Chiến lược phát triển các lĩnh vực tài chính, cơ sở vật chất, tuyển sinh, nhân sự, khoa học công nghệ, hợp tác quốc tế. Trường triển khai đánh giá việc thực hiện kế hoạch chiến lược và đề xuất các giải pháp phù hợp nhằm đạt mục tiêu chiến lược. Các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng phù hợp với chủ trương, quy định hiện hành của Đại học Quốc gia Hà Nội, phù hợp với Chiến lược phát triển của Trường trong từng giai đoạn. Trường đã thực hiện việc giám sát, điều chỉnh, rà soát các chính sách, quy định, quy chế về đào tạo, nghiên cứu khoa học, xây dựng Quy định hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, ban hành các quy định liên quan hoạt động khoa học công nghệ để khuyến khích giảng viên, người học thực hiện các nghiên cứu theo hướng chuyên sâu, đẩy mạnh công bố quốc tế. Trường đã xây dựng Chiến lược về phát triển nguồn nhân lực; xây dựng Đề án Vị trí việc làm; xây dựng quy hoạch đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, giảng viên, nhân viên đảm bảo đáp ứng nhu cầu hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, kết nối và phục vụ cộng đồng. Đội ngũ giảng viên của Trường có tỉ lệ tiến sĩ duy trì ở mức cao (85%). Trường đã khuyến khích giảng viên, nhân viên tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; thực hiện việc đánh giá hiệu quả công việc theo quy trình công khai, rõ ràng; thường xuyên rà soát chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực. Trường đã ban hành Quy chế tài chính, Quy chế chi tiêu nội bộ; có bộ phận chuyên trách xây dựng kế hoạch, giám sát các nguồn lực tài chính, rà soát, cập nhật cơ cấu nguồn thu hằng năm; có bộ phận chuyên trách quản trị cơ sở vật chất, giám sát thực hiện kế hoạch đầu tư, đánh giá hiệu quả, nâng cấp cơ sở vật chất, quản trị thiết bị công nghệ thông tin và cơ sở hạ tầng. Trung tâm Thư viện và Tri thức số của Đại học Quốc gia Hà Nội có nguồn học liệu phong phú, đáp ứng nhu cầu người học. Công tác quản trị cơ sở vật chất, thiết bị, công tác an ninh trật tự, phòng chống cháy nổ và vệ sinh môi trường, vệ sinh y tế học đường được đảm bảo. Trường có quy định quản lý hoạt động hợp tác quốc tế; có kế hoạch triển khai công tác hợp tác phát triển hằng năm. Trong giai đoạn 2020-2024, Trường đã ký kết 18 thỏa thuận với đối tác quốc tế và 10 thỏa thuận với đối tác trong nước. Toàn bộ các thỏa thuận với đối tác đều có các hoạt động được triển khai. Trường đã triển khai nhiều hoạt động đem lại kết quả tích cực như chương trình liên kết đào tạo thạc sĩ bằng tiếng Pháp cho học viên trong và ngoài nước; tổ chức 63 hội thảo/tập huấn

quốc tế; định kỳ hằng năm tổ chức các Diễn đàn khoa học cho đội ngũ cán bộ, giảng viên, sinh viên của Trường và của các Trường, cơ quan khác. Hằng năm, Trường thực hiện rà soát và báo cáo kết quả thực hiện công tác hợp tác phát triển, trong đó đánh giá việc hợp tác đối tác trong và ngoài nước.

- **Đảm bảo chất lượng về hệ thống:** Hệ thống đảm bảo chất lượng của Trường có cấu trúc hợp lý, với các thành phần được thiết lập rõ ràng; chức năng, nhiệm vụ được quy định cụ thể trong Sổ tay Đảm bảo chất lượng giáo dục. Kế hoạch Chiến lược phát triển dài hạn của Trường có các mục tiêu về đảm bảo chất lượng được cụ thể hóa và đo lường bằng chỉ số thực hiện chính (KPIs), thể hiện sự gắn kết giữa chiến lược và hoạt động. Đội ngũ nhân sự bảo đảm chất lượng được đầu tư, đáp ứng yêu cầu chuyên môn và được tham gia các khóa tập huấn, bồi dưỡng và có chứng chỉ về đảm bảo chất lượng, . Kế hoạch tự đánh giá và đánh giá ngoài được xây dựng rõ ràng với hai chỉ số chính được thiết lập trong kế hoạch chiến lược. Trường đã đạt được những thành tựu trong công tác kiểm định như: 100% chương trình đào tạo đại học và thạc sĩ có người học tốt nghiệp đã được tự đánh giá, 100% chương trình đào tạo đại học và 50% chương trình đào tạo thạc sĩ có người học tốt nghiệp đạt chứng nhận đánh giá chất lượng theo tiêu chuẩn AUN-QA, góp phần đưa Trường vào top 351- 400 thế giới về lĩnh vực Luật theo bảng xếp hạng QS. Trường đã xây dựng và triển khai các kế hoạch cải tiến chất lượng dựa trên khuyến nghị từ các đoàn đánh giá ngoài, và tiến hành rà soát thông qua các buổi họp chuyên môn, đảm bảo sự cải tiến liên tục. Thông tin đảm bảo chất lượng bên trong về đào tạo, hỗ trợ người học, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng, nhân sự, các dữ liệu về phản hồi và đánh giá của các bên liên quan được các đơn vị chức năng thu thập, xử lý và báo cáo định kỳ qua các cuộc họp giao ban, tổng kết năm học. Trường có cơ sở dữ liệu về thông tin đảm bảo chất lượng, có thể truy xuất khi cần thiết phục vụ cho việc ra quyết định. Hoạt động đối sánh được thực hiện ở cả nội bộ và với các cơ sở đào tạo luật uy tín khác, tuân thủ các quy định đã được rà soát và cập nhật. Kết quả từ các hoạt động này được sử dụng để xây dựng kế hoạch cập nhật chương trình đào tạo và nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học. Báo cáo đối sánh một số lĩnh vực hoạt động được phổ biến đến các bên liên quan thông qua các cuộc họp giao ban, cuộc họp hằng quý và hội nghị viên chức - người lao động hằng năm, là cơ sở để đánh giá chất lượng hoạt động và đưa ra các biện pháp cải tiến kịp thời.

- **Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng:** Trường có kế hoạch, phương án, chính sách tuyển sinh rõ ràng cho các chương trình đào tạo khác nhau như đại học chính quy, bằng kép, vừa học vừa làm bằng 2, thạc sĩ và tiến sĩ. Tuyển sinh đại học chính quy có nhiều phương án, hướng đến các nhóm thí sinh khác nhau, đảm bảo tính đa dạng trong tuyển sinh. Công tác tuyển sinh các chương trình đào tạo của Trường được cải tiến và cập nhật định kỳ. Chính sách tuyển sinh bằng kép từ các sinh viên thuộc các

Ho2

ngành khác trong Đại học Quốc gia Hà Nội thu hút được nhiều thí sinh chất lượng tốt, thể hiện tính liên ngành trong đào tạo đại học. Quy mô tuyển sinh của đại học chính quy tăng nhanh từ 600 lên 1.150 trong giai đoạn 2019-2024 với chất lượng đầu vào được đảm bảo; điểm xét tuyển đầu vào cạnh tranh so với các trường đào tạo cùng lĩnh vực. Tuyển sinh thạc sĩ có giảm về chỉ tiêu từ 320 xuống 250, nhưng tỉ lệ nhập học duy trì ở mức cao trên 80%. Tuyển sinh tiến sĩ tăng nhanh về quy mô từ 6 lên trên 35, với tỉ lệ nhập học trên 90%. Trường có đầy đủ văn bản quy định, hướng dẫn công tác thiết kế, phát triển, giám sát, rà soát, thẩm định, phê duyệt và ban hành chương trình đào tạo. Thông tin về chương trình dạy học được phổ biến công khai và đầy đủ đến các bên liên quan. Quy trình thiết kế, đánh giá chương trình dạy học được rà soát, điều chỉnh phù hợp với văn bản quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đại học Quốc gia Hà Nội. Nội dung điều chỉnh chương trình dạy học có dựa trên ý kiến phản hồi của các bên liên quan và tham khảo các chương trình đào tạo tiên tiến trong/ngoài nước. Trường có tuyên bố chính thức Triết lý giáo dục. Đội ngũ giảng viên có trình độ chuyên môn, năng lực nghiên cứu khoa học và mời được nhiều chuyên gia nước ngoài tham gia giảng dạy. Môi trường học tập thuận lợi; giảng viên sử dụng đa dạng các phương pháp dạy học thúc đẩy hoạt động học tập, nghiên cứu khoa học, phát triển học thuật, nâng cao tư duy pháp lý cho người học. Hoạt động dạy và học được giám sát và thực hiện đánh giá chất lượng định kỳ hằng học kỳ dựa trên kết quả khảo sát. Chất lượng đội ngũ giảng viên, môi trường học tập là những yếu tố được cựu người học đánh giá cao. Trường có hệ thống văn bản quy định và kế hoạch thực hiện đánh giá người học thể hiện trong đề cương học phần; sử dụng đa dạng các phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp trong quá trình học tập; thực hiện phân tích kết quả học tập học phần của người học để rà soát các phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá đã áp dụng. Các kết quả đánh giá được công bố đầy đủ; xử lý hợp lý, kịp thời các trường hợp khiếu nại, phúc tra; đảm bảo tính công bằng, minh bạch trong sử dụng các phương pháp đánh giá kết quả học tập; thực hiện lấy ý kiến phản hồi người học về công tác kiểm tra đánh giá. Trường có các văn bản quy định về hoạt động phục vụ và hỗ trợ, giám sát người học; phân công trách nhiệm cụ thể từng cá nhân/đơn vị. Hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học đa dạng các hình thức như hỗ trợ tân sinh viên, chính sách học bổng, hoạt động nghiên cứu khoa học, diễn đàn học thuật của ngành luật và các câu lạc bộ ngoại khóa ... Trường có hệ thống một cửa trực tiếp và trực tuyến để giải quyết đơn/thủ tục cho người học. Kết quả phản hồi cho thấy người học, cựu người học hài lòng về các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát trong quá trình học tập. Trường có ban hành Chiến lược phát triển khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo vào năm 2022, điều chỉnh và ban hành mới vào 2025, trong đó quy định chi tiết các định hướng, mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp thực hiện. Trường có trích lập đủ ngân sách hằng năm cho nghiên cứu khoa học. Số

lượng các đề tài nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước, cấp Bộ/Đại học Quốc gia Hà Nội của Trường tăng đều trong giai đoạn đánh giá, với tổng số 16 nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Quốc gia, 34 nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ và tương đương, mang lại một nguồn thu quan trọng cho hoạt động nghiên cứu khoa học của Trường. Trường cũng xác định rõ các lĩnh vực nghiên cứu mũi nhọn và mục tiêu thành lập các nhóm nghiên cứu mạnh cấp Trường và cấp Đại học Quốc gia Hà Nội. Trường triển khai nhiều các hoạt động hợp tác nghiên cứu khoa học với các đối tác trong và ngoài nước ở các hình thức khác nhau như đề tài/ dự án nghiên cứu, xuất bản sách, tổ chức hội thảo khoa học. Trường cũng định kỳ rà soát và điều chỉnh các KPIs về nghiên cứu khoa học theo thực tiễn phát triển của Trường. Trường có hệ thống quản lý tài sản trí tuệ; ban hành các văn bản quản lý tài sản trí tuệ; có kế hoạch và rà soát hoạt động quản lý tài sản trí tuệ. Trong giai đoạn đánh giá, Trường triển khai đa dạng các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng về sở hữu trí tuệ cho người học; cử cán bộ, giảng viên, người học tham gia các khóa đào tạo trong nước và quốc tế về sở hữu trí tuệ; đào tạo cán bộ, giảng viên, người học các đơn vị trong Đại học Quốc gia Hà Nội và cho các đơn vị, tổ chức ở ngoài Trường; tư vấn trực tiếp cho các đơn vị, cá nhân trong và ngoài Trường về đăng ký sở hữu trí tuệ. Trường có nhiều tài sản trí tuệ là sách đã xuất bản chính thức, gồm 25 sách giáo trình, 23 sách chuyên khảo, 27 sách tham khảo, 07 kỷ yếu hội thảo quốc tế có mã ISBN. Trường có quy định về công tác hợp tác quốc tế, hợp tác nghiên cứu với đối tác ngoài trường; triển khai các hoạt động hợp tác quốc tế về trao đổi người học, đào tạo bồi dưỡng cán bộ, giảng viên, mời giảng viên nước ngoài, cán bộ từ các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trong nước đến giảng dạy và nghiên cứu tại Trường; hợp tác về nghiên cứu khoa học, tổ chức và đồng tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế tại Trường; tổ chức các diễn đàn khoa học cho giảng viên và người học, tiếp tục hợp tác trong chương trình đào tạo thạc sĩ liên kết với 03 trường đại học của Pháp. Các hoạt động hợp tác phát triển trong nghiên cứu khoa học mang lại kết quả tốt trong giai đoạn đánh giá như nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học của cán bộ, giảng viên, người học; nâng cao chất lượng đào tạo; tăng cường nguồn lực học liệu (các loại sách). Chiến lược phát triển Trường giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn 2045 có xác định 3 mục tiêu chiến lược và 5 giải pháp về phục vụ cộng đồng. Trường ban hành quy định về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, phân công rõ trách nhiệm chủ trì tư vấn, giám sát kết quả thực hiện đối với Phòng Khoa học công nghệ, Hợp tác phát triển và Đảm bảo chất lượng và trách nhiệm lập kế hoạch và triển khai các hoạt động phù hợp với chức năng và nhiệm vụ của các đơn vị, có quy định chi tiết về đo lường, đánh giá các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, giám sát, cải tiến. Các đơn vị được phân công đã triển khai đa dạng các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng.

- **Kết quả hoạt động:** Trường có hệ thống theo dõi, giám sát tỉ lệ thôi học, tỉ lệ



Handwritten signature

tốt nghiệp đúng hạn, thời gian tốt nghiệp trung bình của người học các chương trình đào tạo; sử dụng phần mềm quản lý đào tạo để thực hiện theo dõi, thống kê tỉ lệ học lại, thi lại và định kỳ thực hiện cảnh báo học vụ. Ở các chương trình đào tạo trình độ đại học, tỉ lệ tốt nghiệp đúng hạn có xu hướng tăng rõ rệt từ 50% (Khóa 2017) lên 82,15% (Khóa 2020); tỉ lệ thôi học có xu hướng giảm dần. Tỉ lệ có việc làm và có việc làm đúng ngành nghề sau tốt nghiệp của người học theo từng chương trình đào tạo đã được thu thập, tổng hợp, theo dõi theo từng ngành đào tạo. Tỉ lệ có việc làm của cựu sinh viên các năm đều trên 90%. Tỉ lệ có việc làm đúng ngành đào tạo, liên quan đến ngành đào tạo và tiếp tục học lên của các năm đều đạt mức yêu cầu tại Thông tư số 01/2024/TT-BGDĐT. Trường có các hoạt động để tăng cơ hội có việc làm, việc làm đúng ngành cho người học như phối hợp với các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp tổ chức các buổi tọa đàm, tư vấn hướng nghiệp cho người học, tổ chức Ngày hội việc làm. Trường có quy định cụ thể về các loại hình hoạt động nghiên cứu; số lượng và chất lượng nghiên cứu khoa học phù hợp với quy định hiện hành. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước, cấp Bộ và Đại học Quốc gia Hà Nội chiếm tỷ trọng đáng kể và có xu hướng tăng nhanh. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và số lượng người học tham gia nghiên cứu khoa học tăng lên đáng kể, đặc biệt là số lượng đề tài cấp khoa tăng hơn 270% từ 47 trong năm 2019 lên 129 trong năm 2024. Trường công bố 184 bài báo quốc tế thuộc các nhóm Q1, Q2, Q3 (và tương đương) và hơn 700 bài báo trong nước. Bên cạnh đó Trường còn xuất bản 90 sách chuyên khảo, giáo trình và học liệu khác ở các nhà xuất bản trong và ngoài nước. Nguồn thu của quỹ nghiên cứu khoa học của Trường tăng hơn 274%, theo đà tăng của nguồn thu từ học phí từ mức 3,5 tỷ đồng năm 2020 lên mức 13,1 tỷ đồng năm 2024. Bên cạnh đó, nguồn thu từ các hoạt động nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo từ các nguồn ngoài học phí và ngân sách của Trường cũng tăng đáng kể trong những năm gần đây. Trong giai đoạn 2020-2024, Trường phát hành 128 đầu sách và bán được hơn 54 ngàn cuốn trên thị trường. Các quy định về kết nối và phục vụ cộng đồng của Trường có xác định loại hình, phương pháp đo lường, đánh giá tác động xã hội của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng đối với các bên liên quan. Loại hình và số lượng tham gia vào hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng được xác định, giám sát trong các kế hoạch và báo cáo tổng kết năm học của các đơn vị. Trường có quy định cụ thể về kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Nguồn thu của Trường tăng 157% từ 56 tỷ lên 145 tỷ trong giai đoạn 2020-2024. Trường có cơ sở dữ liệu đánh giá về kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng; có cơ sở dữ liệu đánh giá về kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

Bên cạnh những mặt mạnh, Hội đồng khuyến nghị Trường Đại học Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội cải tiến chất lượng một số lĩnh vực, hoạt động như sau:

1. Chuyển tải đầy đủ các nội hàm của tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi vào Chiến lược phát triển và nên có hướng dẫn nhất quán để chuyển tải các nội hàm này vào chương trình đào tạo và các hoạt động khác. Phát triển công cụ để đo lường mức độ lan tỏa, mức độ nhận thức và thể hiện giá trị cốt lõi trong hành vi của các bên liên quan. Xác định vị trí của Trường so với các cơ sở đào tạo về luật khác trong nước và khu vực để có chiến lược phân bổ nguồn lực phù hợp hướng đến tầm nhìn “có thương hiệu và uy tín trong khối các trường đại học về luật ở Đông Nam Á”. Thực hiện lấy ý kiến và sử dụng ý kiến của các bên liên quan bên ngoài về tầm nhìn, sứ mạng và giá trị văn hóa của Trường một cách có hệ thống.

2. Tăng cường tính chủ động trong triển khai chính sách. Xây dựng và triển khai bộ tiêu chí và công cụ đánh giá định lượng cho từng mảng hoạt động, như mức độ hoàn thành kế hoạch, hiệu quả triển khai chiến lược, mức độ hài lòng của các bên liên quan. Xây dựng kế hoạch, rà soát, quy hoạch và bổ sung đội ngũ cán bộ quản lý phù hợp với nhu cầu phát triển và định hướng chiến lược.

3. Xây dựng kế hoạch quy hoạch và bổ sung đội ngũ cán bộ quản lý phù hợp với nhu cầu phát triển và định hướng chiến lược; tăng cường đào tạo, nâng cao năng lực cho đội ngũ quản lý đặc biệt về năng lực quản trị đại học. Thực hiện việc đánh giá đầy đủ hiệu quả của các hoạt động tuyên truyền, phổ biến tầm nhìn, sứ mạng và giá trị cốt lõi cũng như các mục tiêu chiến lược đến các bên liên quan.

4. Xác lập các chỉ số chính về kết nối và phục vụ cộng đồng. Rà soát các chỉ số về chương trình đào tạo liên kết với nước ngoài, tỉ lệ người học sau đại học, tỉ lệ người học quốc tế có Chiến lược phát triển phù hợp với vị thế là trường thành viên của Đại học Quốc gia Hà Nội. Các KPIs nên gắn liền với nguồn lực tương ứng nhằm đảm bảo tính khả thi và hiệu quả trong thực hiện. Hoàn thiện quy trình “Lập kế hoạch - Triển khai - Giám sát/đánh giá/Báo cáo - Cải tiến”, gắn với chỉ số thực hiện trong Chiến lược phát triển. Xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá định lượng, kết hợp với công cụ quản trị số (dashboard, phần mềm theo dõi tiến độ, biểu đồ dữ liệu...). Đẩy nhanh đề án chuyển đổi số, trong đó ưu tiên các lĩnh vực cốt lõi như đào tạo và giáo dục 4.0, nghiên cứu, quản trị và dịch vụ người học.

5. Xây dựng đầy đủ các quy trình giám sát sự tuân thủ và thực hiện các chính sách, quy định rõ ràng cơ chế phối hợp của các bên liên quan trong quá trình giám sát. Thực hiện đối sánh chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học, kết nối và phục vụ cộng đồng để cải tiến. Xây dựng chính sách, quy định về sử dụng LMS trong dạy và học, tăng cường đào tạo gắn với thực tế, phát triển khóa học bồi dưỡng ngắn hạn (MOOC); chính sách đào tạo song ngành, liên ngành, ngành chính/ngành phụ theo chính sách của Đại học Quốc gia Hà Nội.

Nh

6. Tăng cường công tác dự báo nguồn nhân lực, đảm bảo đáp ứng nhu cầu phát triển chương trình đào tạo và mở rộng quy mô đào tạo. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong quản lý, đánh giá nhân sự, xây dựng các tiêu chuẩn, quy trình riêng về công tác nhân sự một cách hệ thống. Xây dựng và triển khai hệ thống KPIs để định lượng các hoạt động của cán bộ, giảng viên, nhân viên, phòng, khoa. Chọn lọc hình thức, nội dung bồi dưỡng phù hợp cho đội ngũ nhân viên. Tăng cường đào tạo năng lực số cho cán bộ, giảng viên và sinh viên để đảm bảo việc triển khai công nghệ diễn ra đồng bộ, hiệu quả.

7. Đầu tư xây dựng hạ tầng công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu, các phần mềm, ứng dụng riêng của Trường; có biện pháp phối hợp để chủ động hơn trong khai thác, sử dụng, thu thập cơ sở dữ liệu và đánh giá hiệu quả sử dụng. Đầu tư thêm cơ sở vật chất phục vụ sinh viên tại cơ sở Cầu Giấy theo tiêu chuẩn hiện đại (các phòng học thông minh, phòng thực hành, phòng tiếp sinh viên...). Xây dựng đầy đủ quy định về quản lý hạ tầng công nghệ thông tin. Xây dựng thêm các phân hệ phần mềm phục vụ công tác quản trị nhân sự, nghiên cứu khoa học, đánh giá rèn luyện của sinh viên. Xem xét trang bị các thiết bị dùng cho người có nhu cầu đặc biệt tại cơ sở Cầu Giấy.

8. Xác định các nhiệm vụ và các nguồn lực để triển khai, bao gồm các đơn vị đầu mối, đơn vị phối hợp trong kế hoạch năm học. Quản lý đầy đủ số liệu về số cán bộ, giảng viên đã tham gia các hoạt động hợp tác, trao đổi học thuật trong nước để có thể đánh giá chính xác hơn kết quả hoạt động hợp tác phát triển trong nước. Nên có sự tham gia của các bên liên quan ngoài Trường trong rà soát hoạt động hợp tác của Trường.

9. Hội đồng Đảm bảo chất lượng giáo dục cần phát huy hết vai trò trong việc định hình kế hoạch, theo dõi và giám sát chất lượng. Các văn bản, quy trình hiện hành cần bổ sung các hướng dẫn cụ thể trong công tác phối hợp giữa các đơn vị, đồng thời tích hợp đủ thông tin để giám sát việc tuân thủ và cải tiến chất lượng. Mục tiêu và chiến lược dài hạn về đảm bảo chất lượng cần được đề cập rõ trong Chiến lược phát triển, từ đó có cơ sở trong việc xây dựng kế hoạch và chỉ tiêu cho các công tác quan trọng như kiểm định quốc tế và xếp hạng. Đẩy mạnh xây dựng công cụ đo lường, giám sát cho công tác đảm bảo chất lượng cụ thể: bổ sung các chỉ số thực hiện chính (KPIs) và chỉ tiêu phấn đấu. Đồng thời, có chính sách nhằm phát triển mạng lưới đội ngũ chuyên trách về đảm bảo chất lượng tại các đơn vị đặc biệt tại Khoa và Trung tâm.

10. Việc đánh giá nội bộ định kỳ cho các mảng công tác chuyên môn của Trường cần được chú trọng. Thiết lập cơ chế đánh giá tính phù hợp của các bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng và tác động của chúng sau đánh giá ngoài, làm cơ sở để lựa chọn bộ tiêu chuẩn tối ưu và cải tiến chất lượng hiệu quả. Việc sử dụng khuyến nghị từ chuyên gia đánh giá ngoài để cải tiến chất lượng và truyền thông rộng rãi hiệu quả sau cải tiến cần được thực hiện một cách có hệ thống. Thiết lập cơ chế đánh giá hiệu quả các hoạt động

Hoàng

đào tạo, bồi dưỡng nhân sự chuyên trách công tác đảm bảo chất lượng tại các đơn vị, Khoa, Trung tâm, từ đó xây dựng kế hoạch nâng cao năng lực một cách hiệu quả hơn.

11. Quy định rõ loại thông tin đảm bảo chất lượng cũng như phương pháp, quy trình và trách nhiệm thu thập, phân tích và sử dụng để cải tiến chất lượng của các đơn vị liên quan bằng văn bản. Đẩy nhanh tiến độ triển khai Đề án chuyển đổi số phục vụ việc thu thập, phân tích và cung cấp thông tin, dữ liệu đảm bảo chất lượng bên trong kịp thời; các phân hệ phần mềm cần liên thông dữ liệu với nhau; có chức năng phân tích, tổng hợp dữ liệu, báo cáo; cho phép phân quyền cho các đơn vị liên quan để phục vụ công tác ra quyết định. Xây dựng cơ sở dữ liệu về kết nối và phục vụ cộng đồng tập trung. Quy định rõ và có cơ chế giám sát việc phân quyền, truy cập và sử dụng dữ liệu. Có chính sách, quy định, quy trình, phân công trách nhiệm, triển khai thực hiện việc rà soát thông tin đảm bảo chất lượng bên trong, số lượng, chất lượng, sự thống nhất, bảo mật, an toàn của dữ liệu và thông tin và thực hiện cải tiến dựa trên kết quả rà soát, đánh giá.

12. Thiết lập các quy định, quy trình và cơ chế giám sát cho việc sử dụng thông tin đối sánh để nâng cao chất lượng. Bên cạnh đó, thực hiện thường xuyên và mang tính dài hạn các báo cáo đối sánh nhằm đánh giá xu hướng và hiệu quả của các biện pháp cải tiến chất lượng. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong thu thập số liệu đối sánh giúp tự động hóa và chuẩn hóa quy trình, từ đó gia tăng tính chính xác của dữ liệu.

13. Tăng cường các phương án tư vấn tuyển sinh đa dạng, cho chương trình thạc sĩ và tiến sĩ. Nên có biện pháp thu hút thêm thí sinh Việt Nam đăng ký tham gia chương trình thạc sĩ liên kết với các trường đại học của Pháp. Cần nhắc tăng chỉ tiêu tuyển sinh thạc sĩ tương ứng với định hướng đại học nghiên cứu và tương ứng với tốc độ phát triển của Trường. Xác định chính xác hơn chỉ tiêu cho các chương trình đào tạo bậc thạc sĩ bám sát thực tiễn nhu cầu xã hội và năng lực đào tạo của Trường.

14. Thực hiện rà soát chương trình đào tạo đáp ứng chuẩn theo lĩnh vực luật và các tiêu chí điều kiện quy định tại Thông tư 04/2025/TT-BGDĐT; có chiến lược hoạch định phát triển các chương trình đào tạo theo hướng song ngành, liên ngành, ngành chính, ngành phụ theo chính sách đào tạo của Đại học Quốc gia Hà Nội. Nâng cao chất lượng ý kiến góp ý khi rà soát đề cương học phần, đảm bảo hoạt động dạy học và phương pháp kiểm tra đánh giá tương thích chuẩn đầu ra. Tăng cường tính hiệu quả của hoạt động lấy ý kiến, phân tích dữ liệu đánh giá của các bên liên quan và sử dụng hiệu quả kết quả đã thu thập. Quan tâm hơn đến học phần khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, năng lực số, trao đổi tín chỉ trong/ngoài nước trong hoạt động thiết kế chương trình đào tạo.

15. Xây dựng tài liệu hướng dẫn việc lựa chọn các phương pháp dạy học phù hợp để thực hiện các chiến lược giảng dạy và học tập, gắn kết với triết lý giáo dục, đặc biệt



Handwritten signature

là yếu tố “giáo dục khai phóng”. Tổ chức tập huấn cho tất cả đội ngũ giảng viên về thiết kế và triển khai giáo dục theo chuẩn đầu ra. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong tổ chức đào tạo và hoạt động giảng dạy trực tuyến, khai thác và sử dụng hiệu quả VNU-LMS. Tăng cường thời lượng thực tập, đào tạo lý thuyết gắn với thực tiễn. Hướng dẫn người học ứng dụng AI trong công tác học tập và nghiên cứu khoa học, quy định rõ về tỉ lệ kiểm tra độ trùng lặp của luận văn và cơ chế hỗ trợ, giám sát.

16. Rà soát quy định/quy trình công tác khảo thí, hướng dẫn cụ thể hơn về hoạt động lựa chọn phương pháp đánh giá và thực hiện phân tích, đánh giá về sự phù hợp với chuẩn đầu ra. Triển khai đánh giá, phân tích bài thi/đề thi và kết quả học tập của người học; đánh giá chuẩn đầu ra của học phần/chương trình đào tạo và rà soát ngân hàng câu hỏi thi. Tích hợp tính năng thống kê, phân tích dữ liệu trên phần mềm quản lý đào tạo để đánh giá tiến trình học tập của người học. Xây dựng thang tiêu chí đánh giá các phương pháp kiểm tra đánh giá và phổ biến đến người học. Quy định rõ ràng thời gian và cá nhân/đơn vị phụ trách công bố điểm thành phần và cuối kỳ đến người học để chủ động trong công tác theo dõi học tập.

17. Xây dựng các mục tiêu, chỉ tiêu/chỉ số dài hạn, ngắn hạn cụ thể hơn đối với hoạt động phục vụ, hỗ trợ và giám sát người học. Xác định bộ tiêu chí đánh giá năng lực và mức độ hoàn thành nhiệm vụ của đội ngũ cán bộ, nhân viên tư vấn và hỗ trợ cho người học. Đánh giá, phân tích toàn diện kết quả hoạt động phục vụ, hỗ trợ và giám sát người học tại các lĩnh vực để xác định chính xác mức độ và hiệu quả đạt được. Rà soát, bổ sung, xây dựng chỉ số giám sát thực hiện kế hoạch cải tiến hoạt động liên quan đến phục vụ, hỗ trợ người học để có căn cứ đánh giá mức độ cải thiện chất lượng tại từng mảng hỗ trợ, giám sát người học. Thực hiện thêm hoạt động đối sánh dịch vụ hỗ trợ người học, đặc biệt là hệ sau đại học với các trường trong khu vực và trên thế giới để có cơ sở cải tiến.

18. Có chính sách hiệu quả hơn để thúc đẩy thành lập các nhóm nghiên cứu khoa học mạnh cấp Trường và cấp Đại học Quốc gia Hà Nội. Thực hiện đánh giá tác động của các hoạt động nghiên cứu khoa học đối với các bên liên quan và đối với xã hội. Đẩy nhanh số hóa các hoạt động quản lý nghiên cứu khoa học và cơ sở dữ liệu về nghiên cứu khoa học. Phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng các khoản chi, đầu tư cho nghiên cứu khoa học và có kế hoạch sử dụng quỹ phát triển nghiên cứu khoa học hiệu quả hơn.

19. Phân công cụ thể các nhiệm vụ quản lý về quản lý tài sản trí tuệ của các nhân viên Phòng Khoa học công nghệ, Hợp tác phát triển và Đảm bảo chất lượng. Triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, theo dõi hoạt động khoa học công nghệ bao gồm quản lý tài sản trí tuệ. Sớm đăng ký nhãn hiệu cho logo của Trường với Cục sở hữu trí tuệ. Rà soát, đảm bảo việc tính tỉ lệ hài lòng của các bên liên quan về công tác

Ho

quản lý tài sản trí tuệ nói riêng và các hoạt động khác nói chung được chính xác.

20. Kế hoạch công tác khoa học công nghệ các năm cần bao phủ đầy đủ các chỉ tiêu về hợp tác khoa học công nghệ của Chiến lược phát triển Trường, ví dụ, chỉ tiêu về chương trình hợp tác nghiên cứu với đối tác. Sớm triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, giám sát hoạt động hợp tác phát triển trong nghiên cứu khoa học. Thực hiện rà soát hoạt động hợp tác về khoa học công nghệ theo các chỉ số đã đặt ra trong Chiến lược phát triển Trường. Rà soát đánh giá về tính hiệu quả và các nguồn lực mang lại từ các hoạt động hợp tác trong nghiên cứu khoa học của Trường có hệ thống, với các nguồn thông tin định tính và định lượng và có sự tham gia của các bên liên quan trong và ngoài Trường để có thể đúc kết ra được những khuyến nghị mang tính chiến lược.

21. Làm rõ chỉ số thực hiện chính cho mảng kết nối và phục vụ cộng đồng để có cơ sở lập kế hoạch, triển khai và đánh giá kết quả cho mảng hoạt động này hằng năm, gắn kết với yếu tố “sáng tạo và truyền bá tri thức” và “phát triển bền vững, trách nhiệm xã hội” được xác định trong sứ mạng và giá trị cốt lõi của Trường; rà soát quy trình “Lập kế hoạch - Triển khai - Giám sát - Cải tiến”, đảm bảo rõ ràng và nhất quán từ cấp đơn vị đến cấp trường; đảm bảo kế hoạch và các chỉ số thực hiện hằng năm gắn kết với Chiến lược phát triển của Trường trong lĩnh vực kết nối và phục vụ cộng đồng. Triển khai việc đo lường, giám sát việc kết nối và phục vụ cộng đồng một cách có hệ thống.

22. Cải tiến phần mềm quản lý đào tạo của Trường, bổ sung chức năng thống kê đối với các chỉ số đầu ra cốt lõi như tỉ lệ tốt nghiệp đúng hạn, tỉ lệ thôi học, tỉ lệ học lại các học phần ... Thực hiện phân quyền cho các cá nhân, đơn vị liên quan trong Trường sử dụng phần mềm quản lý đào tạo để có thể theo dõi, giám sát tốt hơn kết quả học tập của người học. Bổ sung các chỉ số đầu ra như thời gian tốt nghiệp trung bình, tỉ lệ tốt nghiệp đúng hạn, tỉ lệ thôi học vào hệ thống chỉ tiêu trong Chiến lược phát triển Trường. Trong báo cáo về tình hình việc làm của người học hằng năm, cần làm rõ các đơn vị sẽ được nhận báo cáo về việc làm của người học và vai trò của các đơn vị này trong sử dụng thông tin từ báo cáo. Trong báo cáo kết quả khảo sát ý kiến nhà tuyển dụng, cần xác định rõ hơn các đơn vị trong Trường có trách nhiệm triển khai các khuyến nghị.

23. Thực hiện đối sánh một cách hệ thống với các trường cùng lĩnh vực như Trường Đại học Luật Hà Nội, Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh và một số các trường Luật khác trong khu vực trên các phương diện: 1) loại hình, khối lượng và chất lượng nghiên cứu của đội ngũ giảng viên, và cán bộ nghiên cứu, 2) loại hình, khối lượng và chất lượng nghiên cứu của người học, 3) loại hình và số lượng tài sản trí tuệ, và 4) các khoản đầu tư cho nghiên cứu khoa học. Có biện pháp hiệu quả để tăng số lượng đề tài cấp Trường và cấp Đại học Quốc gia Hà Nội của người học. Có biện pháp hiệu quả để phân công và xử lý việc không hoàn thành chỉ tiêu về công bố quốc tế, nhằm

Handwritten signature

nâng cao tính bền vững của các công bố quốc tế. Cần có phân tích hiệu quả và có kế hoạch sử dụng hợp lý Quỹ nghiên cứu khoa học để tiếp tục thúc đẩy chất lượng và hiệu quả các hoạt động khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo của trường theo đúng Chiến lược phát triển. Có cơ chế rõ ràng khuyến khích thương mại hóa kết quả nghiên cứu, và chưa quy định rõ ràng về thành lập doanh nghiệp khoa học công nghệ.

24. Xác lập, giám sát và phân tích tác động của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, mức độ hài lòng của các bên liên quan một cách có hệ thống; quản trị cơ sở dữ liệu về kết nối và phục vụ cộng đồng nhất quán. Thiết lập chính sách, quy trình rõ ràng để xác lập, giám sát và đối sánh tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội để cải tiến một cách có hệ thống. Có kế hoạch định kỳ thực hiện việc đánh giá tác động của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng đối với người học và đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên; lưu ý thực hiện đánh giá tác động đối với người học, cán bộ, giảng viên và nhân viên tham gia trực tiếp từng hoạt động; Đảm bảo sự tham gia của đầy đủ các bên liên quan trong việc đánh giá tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội, đặc biệt là đối tượng thụ hưởng cũng như khi đánh giá mức độ hài lòng.

25. Quy định cụ thể các chỉ số về phục vụ cộng đồng trong Chiến lược phát triển của Trường. Trường cần thực hiện đối sánh các chỉ số tài chính - thị trường của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, và phục vụ cộng đồng với các trường có cùng lĩnh vực ở Việt Nam và trong khu vực. Thống nhất các chỉ số tài chính và thị trường trong báo cáo tự đánh giá với các chỉ số quy định trong Chiến lược phát triển của Trường. Xem xét kỹ và cân nhắc điều chỉnh một số các chỉ số trong Chiến lược phát triển đang đặt khá cao so với thực tiễn của Trường, như chỉ số về cấu trúc tài chính. Có kế hoạch điều chỉnh chỉ số biên độ hoạt động theo quy định hiện hành (Thông tư số 01/2024/TT-BGDĐT ngày 05/02/2024).

Hội đồng đề nghị Trường duy trì và phát triển các điều kiện bảo đảm chất lượng đã có, đồng thời thực hiện các khuyến nghị đã nêu của Hội đồng về việc khắc phục những tồn tại. Trong vòng 3 tháng kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục, Trường cần xây dựng và triển khai kế hoạch hành động cụ thể. Vào giữa chu kỳ kiểm định (hai năm rưỡi sau khi được công nhận đạt chuẩn chất lượng giáo dục), Trường gửi báo cáo kết quả thực hiện cải thiện chất lượng đến Bộ Giáo dục và Đào tạo, cơ quan quản lý có liên quan và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định./.

